

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HIỆU QUẢ CỦA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI

TS NGUYỄN QUANG TUẤN

Phó Viện trưởng Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN

Hiệu quả của nghiên cứu khoa học xã hội (KHXH) là kết quả đạt được của hoạt động nghiên cứu so với mục tiêu đã đề ra. Hiệu quả này chịu tác động của nhiều yếu tố, như: môi trường thể chế, cơ chế tài chính, đạo đức khoa học.

Khái niệm về hiệu quả và những đặc trưng của KHXH

Trên thực tế, tồn tại nhiều cách hiểu và diễn giải khác nhau về khái niệm hiệu quả. *Bài viết này quan niệm hiệu quả của một hoạt động là kết quả đạt được của hoạt động so với mục tiêu đã đề ra hoặc là các vấn đề cần giải quyết* (Fraser, 1994; Erlendsson, 2002) [1, 2]. Đánh giá hiệu quả của một hoạt động là việc đo lường kết quả đạt được của hoạt động đó so với mục tiêu đề ra hoặc các vấn đề cần giải quyết. Ở đây, việc đo lường kết quả bao gồm cả việc đo lường dựa trên các chỉ tiêu định lượng và định tính. Ví dụ, trong các dự án kinh tế, hiệu quả kinh tế của một dự án thường được đánh giá bằng tỷ số giữa số tiền thu lợi và vốn đầu tư (Return on Investment - ROI), được tính theo công thức:

$$ROI = \frac{\text{Thu hồi từ đầu tư} - \text{Chi phí đầu tư}}{\text{Chi phí đầu tư}}$$

Tuy nhiên, chỉ tiêu đánh giá này không phù hợp để đánh giá các mục tiêu định tính của dự án như nâng cao nhận thức, tạo công bằng xã hội.

KHXH là một bộ phận của khoa

học, nghiên cứu về các mối quan hệ giữa con người với con người và mối quan hệ giữa con người với xã hội. Đánh giá hiệu quả nghiên cứu KHXH sẽ khó khăn hơn nhiều so với các hoạt động khác do những đặc thù của nó. Nghiên cứu KHXH bao gồm các loại nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu và phát triển. Với mỗi loại hình nghiên cứu KHXH, mục tiêu đặt ra khác nhau và đánh giá hiệu quả của hoạt động nghiên cứu KHXH được tiến hành theo các mục tiêu đã đề ra. Đi từ nghiên cứu cơ bản cho đến nghiên cứu và phát triển, mức độ khó của việc đánh giá hiệu quả sẽ theo hướng ngược lại vì việc xác định các chỉ tiêu đo lường các tri thức mới về căn nguyên của sự vật và hiện tượng xã hội là rất khó.

Hoạt động KHXH có nhiều điểm khác biệt với các hoạt động khoa học khác về đối tượng và phương pháp nghiên cứu. Ví dụ, khi so sánh giữa khoa học tự nhiên và KHXH: về đối tượng nghiên cứu, trong khi khoa học tự nhiên nghiên cứu các đối tượng là hiện tượng tự nhiên thì KHXH có các đối tượng nghiên cứu là hành vi và các hoạt động của con người; về phương pháp nghiên cứu, trong khi khoa học tự nhiên

nhấn mạnh vào các con số và logic thì KHXH nhấn mạnh vào tư duy cảm hứng và khả năng tưởng tượng [3]. Tuy nhiên, đôi khi sự phân biệt về phương pháp của các lĩnh vực khoa học cũng thay đổi theo thời gian. Ngày nay, nhiều nghiên cứu KHXH sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học tự nhiên và ngược lại. Sản phẩm đầu ra của nghiên cứu KHXH phong phú hơn các sản phẩm đầu ra của khoa học tự nhiên [4]. Các sản phẩm đầu ra của nghiên cứu KHXH vừa phong phú vừa hàm chứa những giá trị vô hình, việc tìm ra các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của nghiên cứu KHXH không dễ.

Đánh giá hiệu quả nghiên cứu KHXH còn là đánh giá các nguồn lực đầu vào, các sản phẩm đầu ra cho đến kết quả cuối cùng của nghiên cứu. Việc đánh giá hiệu quả cũng bao gồm đánh giá sự thay đổi về xã hội mà các mục tiêu nghiên cứu khoa học đã đề ra. Ví dụ, trong một đề tài "Nghiên cứu nguyên nhân kinh tế và xã hội của sự di dân từ nông thôn ra thành phố nhằm xây dựng một chương trình hạn chế di dân, để ngăn ngừa xung đột xã hội trong các vùng công nghiệp", sản phẩm đầu ra là số bài báo, sách và có thể là một số ấn phẩm khác mà

trong đó phát hiện cơ bản là những nguyên nhân kinh tế, xã hội của sự di dân. Sản phẩm đầu ra cũng có thể là báo cáo khuyến nghị về chính sách đối với các vấn đề liên quan đến di dân. Các sản phẩm đầu ra của đề tài nghiên cứu này có thể được các nhà quản lý sử dụng như là đầu vào trong việc ban hành chính sách liên quan đến di dân. Kết quả cuối cùng là nghiên cứu của đề tài góp phần vào ngăn ngừa và giải quyết xung đột xã hội trong các vùng công nghiệp. Như vậy, hiệu quả của nghiên cứu KHXH có thể là ngắn hạn, trung hạn hoặc dài hạn.

Kết quả của nghiên cứu KHXH chủ yếu phục vụ cho việc hoạch định các chính sách phát triển và tạo ra các sản phẩm với mục đích công. Trên quan điểm thị trường, kết quả của nghiên cứu KHXH chủ yếu là tạo ra các hàng hóa công, là hàng hóa hoặc dịch vụ mà một cá nhân sử dụng không ngăn cản những cá nhân khác cùng đồng thời sử dụng hàng hóa đó. Một hàng hóa công sẽ có hai đặc tính sau: 1) Tính không loại trừ (non-excludability), có nghĩa là nhà sản xuất không thể ngăn chặn những người khác sử dụng hàng hóa này; và 2) Tính không cạnh tranh (non-rivalry), có nghĩa là nhiều người có thể đồng thời sử dụng hàng hóa này [5]. Trong ví dụ về đề tài nghiên cứu nêu trên, có thể thấy kết quả nghiên cứu của đề tài này mang đầy đủ cả hai tính chất của hàng hóa công. Đặc tính không cạnh tranh và không loại trừ của hàng hóa công không khuyến khích khối tư nhân đầu tư để phát triển loại hàng hóa này. Vì vậy, Nhà nước phải là người đầu tư chủ yếu cho nghiên cứu KHXH và việc đánh giá hiệu quả nghiên cứu của nó cũng chủ yếu dựa trên việc sản sinh hàng hóa công, mà trong đa



số trường hợp, đánh giá là định tính. Bản thân kết quả nghiên cứu KHXH cũng là một đối tượng rất dễ bị đánh cắp, nếu không giải quyết được vấn đề này không thể nói đến việc đảm bảo hoặc nâng cao chất lượng và hiệu quả của nghiên cứu KHXH.

Một số yếu tố tác động đến hiệu quả nghiên cứu KHXH

Môi trường thể chế

Vì nghiên cứu KHXH chủ yếu dựa trên tư duy cảm hứng và khả năng tưởng tượng của các nhà khoa học, nên môi trường cho hoạt động sáng tạo là một yếu tố căn bản tác động đến chất lượng và hiệu quả nghiên cứu. Những nghiên cứu gần đây cho thấy, môi trường thể chế là một trong những yếu tố chủ chốt tác động đến hoạt động KHXH [6]. Trong thời đại ngày nay, đối mặt với những vấn đề toàn cầu, sự phức tạp của các chính sách xã hội, những nghiên cứu KHXH phục vụ hoạch định chính sách là rất cần thiết ở mọi quốc gia trên thế giới. Song, không phải ở tất cả các nước và tại mọi thời điểm, việc hoạch định

chính sách dựa trên thực chứng đều được coi trọng. Việc các nhà ra quyết định bị tác động bởi một thời thượng không phải là hiếm. Chính việc chạy theo một thời thượng của một số nhà ra quyết định đang tạo ra khoảng trống giữa sản sinh tri thức và sử dụng tri thức trong KHXH. Khi đó, KHXH sẽ trở thành đối tượng của những tính toán chính trị và bị chính trị hóa sâu sắc.

Ở nước ta, trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập, nhiều vấn đề về chiến lược và chính sách phát triển, giải quyết các xung đột giữa phát triển kinh tế và công bằng xã hội cần có sự tham gia chủ động và tích cực hơn nữa của KHXH. Trong điều kiện đó, KHXH cần phải được đặt đúng tầm để giải quyết những vấn đề do quá trình phát triển đặt ra. Môi trường dân chủ, bình đẳng và minh bạch là tiền đề quan trọng để KHXH thực hiện tốt những nhiệm vụ này.

Trong quá trình đổi mới, Đảng và Nhà nước quyết tâm đưa đất nước tiến tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng,

dân chủ và văn minh. Trong bối cảnh chung đó, môi trường cho nghiên cứu KHXH ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, hiện vẫn còn những vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu nhằm hoàn thiện môi trường cho hoạt động này. Qua khảo sát của tác giả và nhóm nghiên cứu tại một số tổ chức KHXH ở các thành phố: Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ và Huế cho thấy, một bộ phận cán bộ nghiên cứu của những tổ chức được khảo sát thể hiện sự chưa hài lòng với môi trường nghiên cứu ở nước ta. Theo các nhà khoa học này, nghiên cứu KHXH ở nước ta còn tồn tại quá nhiều khu vực “nhảy cào” hoặc là “kiêng kỵ”; còn tồn tại tâm lý và tình trạng sợ bị “chụp mũ” khi kết quả nghiên cứu bị cho là thái độ chính trị của nhà khoa học. Bản chất của nghiên cứu khoa học là tạo ra tri thức mới, phát hiện ra chân lý của sự vật hoặc hiện tượng. Nghiên cứu khoa học phải có những chuẩn mực, trong đó tính không thiên vị (disinterestedness) và tính nghi ngờ (skepticism) cần được coi trọng. Nghi ngờ trong nghiên cứu KHXH là hiện tượng bình thường và đương nhiên. Phải có tính nghi ngờ thì mới có thể có phản biện chính sách xã hội thực sự và từ đó tạo ra sự thay đổi tốt hơn.

Cơ chế tài chính

Một yếu tố khác tác động không nhỏ đến hiệu quả nghiên cứu khoa học nói chung và KHXH nói riêng ở nước ta là cơ chế tài chính của Nhà nước. Ví dụ, theo quy định hiện hành tại Thông tư số 44/2007/TTLT/BTC-BKHCN về các cơ chế tài chính cho các đề tài, dự án khoa học và công nghệ, kinh phí lớn nhất chi trả cho một chuyên đề nghiên cứu trong KHXH được xác định là 12 triệu

đồng. Để lập bảng giải trình và thanh toán kinh phí cho một đề tài cấp bộ, nhóm nghiên cứu của đề tài phải “chia nhỏ” các vấn đề nghiên cứu thành 30-40 chuyên đề là việc rất bình thường. Có lẽ, khó có thể tìm thấy cơ chế chi tiêu cho các đề tài, dự án nghiên cứu ở nước nào đó giống như ở nước ta.

Để có một nghiên cứu tốt, những người tham gia nghiên cứu khoa học phải mất nhiều công sức vào việc đọc và phân tích tài liệu nghiên cứu có liên quan, điều tra khảo sát, tổng hợp kết quả trên cơ sở tư duy sáng tạo và khả năng tưởng tượng của nhóm nghiên cứu. Tuy nhiên, chi phí cho những hạng mục này không được thể hiện rõ trong cơ chế tài chính hiện hành ở nước ta. Ví dụ, theo quy định hiện hành, mức chi trả cho người cung cấp thông tin cho một mẫu phiếu điều tra tối đa là 70.000 đồng. Nếu đối tượng điều tra khảo sát là các hộ có thu nhập thấp thì mức chi trả này có thể chấp nhận được. Song nếu đối tượng điều tra khảo sát là các doanh nghiệp, định mức chi trả này khó có thể chấp nhận được. Nhìn chung, các định mức chi tiêu do Nhà nước quy định phản ứng quá chậm so với sự thay đổi của cơ chế thị trường. Hơn nữa, việc điều tra khảo sát bằng phiếu hỏi cũng chỉ là một phương pháp nghiên cứu. Trong nghiên cứu KHXH, điều tra bằng phương pháp phỏng vấn sâu, quan trắc của người nghiên cứu (participant observation)... rất quan trọng và phổ biến. Song những hạng mục chi phí này lại không được thể hiện trong cơ chế tài chính hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, quy định hiện hành chi trả cho việc viết báo cáo xử lý, phân tích số liệu điều tra của

một đề tài, dự án nghiên cứu khoa học là rất thấp (4 triệu đồng). Đây cũng là một quy định chưa căn cứ vào thực tế của các đề tài nghiên cứu. Ví dụ, một đề tài nghiên cứu KHXH thu về được 200 phiếu điều tra khảo sát và xử lý các phiếu này bằng phần mềm SPSS trên máy tính. Để ra được báo cáo phân tích, xử lý số liệu điều tra, nhóm nghiên cứu cần thực hiện một loạt công việc sau: mã hóa phiếu, vào số liệu cho phần mềm SPSS trên cơ sở các phiếu đã được mã hóa, xử lý và phân tích số liệu trên máy tính. Điều tra khảo sát là một trong các thành tố quan trọng bậc nhất, quyết định đến sự thành công của một đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, nhưng cơ chế tài chính cho hạng mục này lại chưa hợp lý. Vì vậy, các đề tài nghiên cứu có xu hướng giảm bớt phần điều tra khảo sát cho để thanh toán hoặc phải “ẩn” khoản kinh phí này vào trong các “chuyên đề” nghiên cứu và các “hội thảo” khoa học.

Đạo đức khoa học

Đạo đức khoa học cũng là một trong các yếu tố rất quan trọng tác động đến chất lượng và hiệu quả của nghiên cứu KHXH. Đạo đức khoa học bao gồm việc áp dụng những nguyên tắc đạo đức cơ bản trong nghiên cứu khoa học. Những chuẩn mực về đạo đức khoa học phân biệt hành vi nào có thể chấp nhận được và hành vi nào không thể chấp nhận được. Đạo đức khoa học được xây dựng trên cơ sở lòng tin: các nhà khoa học tin tưởng kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học khác là có căn cứ (valid); xã hội tin tưởng kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học là trung thực và không thiên kiến. Tuy nhiên, lòng tin này chỉ có thể duy trì được khi cộng đồng nghiên cứu cống hiến bản thân mình cho những giá trị nghiên cứu



trên những nguyên tắc của đạo đức khoa học [7].

Có một số nguyên nhân quan trọng cho sự cần thiết phải có các chuẩn mực về đạo đức trong nghiên cứu: *thứ nhất*, đạo đức nghiên cứu góp phần thúc đẩy việc sản sinh tri thức mới, tìm ra chân lý, tránh sai lầm và chống lại những hành vi như giả mạo, bóp méo số liệu nghiên cứu hoặc là đạo văn; *thứ hai*, đạo đức nghiên cứu góp phần bảo vệ lợi ích về tài sản trí tuệ và tăng cường sự cộng tác trong cộng đồng nghiên cứu khoa học; *thứ ba*, đạo đức nghiên cứu đảm bảo cho các nhà nghiên cứu có trách nhiệm trước cộng đồng và tạo được lòng tin và sự ủng hộ của cộng đồng trong việc tiến hành hoạt động nghiên cứu; *thứ tư*, đạo đức nghiên cứu có thể thúc đẩy nhiều giá trị về tinh thần và xã hội như tính trách nhiệm, nhân quyền, việc chấp hành pháp luật...

Tại các nước công nghiệp phát triển, các chuẩn mực về đạo đức nghiên cứu được giới thiệu trong các trường phổ thông và đại học; vấn đề đạo đức nghiên cứu cũng được các viện nghiên cứu và trường đại học ở những nước này

rất coi trọng. Trong các trường đại học có uy tín ở Bắc Mỹ, thường tồn tại Ủy ban thẩm định đạo đức khoa học (Ethics Committee Review) để xem xét tất cả những nghiên cứu có liên quan đến những vấn đề như thí nghiệm con người và động vật, những vấn đề nhạy cảm đối với cá nhân và cộng đồng, các khía cạnh bẽ bối như giả mạo số liệu, đạo văn.

Ở Việt Nam, các vấn đề về đạo đức nghiên cứu chưa được xem trọng. Trên thực tế, nạn đạo văn đang trở thành một hiện tượng phổ biến ở nước ta. Nó là một trong các yếu tố kìm hãm sự phát triển của khoa học nói chung và KHXH nói riêng. Một khi đạo đức khoa học còn chưa được coi trọng, môi trường sáng tạo sẽ bị xói mòn và nó khuyến khích những hành vi giả mạo và lừa dối trong nghiên cứu khoa học.

*
* *

Từ góc nhìn hiệu quả nghiên cứu KHXH và những yếu tố tác động, giải pháp để nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu KHXH chính là tìm cách tác động vào những yếu tố tác động, có chính sách đặc thù. Cụ thể như

sau: 1) Cần xây dựng một số chỉ tiêu cơ bản để đánh giá hiệu quả nghiên cứu KHXH và việc tài trợ cho nghiên cứu KHXH cũng chủ yếu dựa trên các tiêu chí hiệu quả; 2) Hoàn thiện hơn nữa môi trường dân chủ và minh bạch là tiền đề nâng cao hiệu quả nghiên cứu KHXH; 3) Cần đổi mới cơ chế quản lý nhà nước hiện hành về tài chính cho hoạt động khoa học nói chung, hoạt động KHXH nói riêng; 4) Cần xây dựng và phát triển hệ thống đạo đức khoa học (ban hành và thực thi những nguyên tắc đạo đức cơ bản trong hoạt động khoa học nói chung, KHXH nói riêng) ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Erlendsson J (2002). Value For Money Studies in Higher Education http://www.hi.is/~joner/eaps/wh_vfmhe.htm.
- [2]. Fraser M (1994). Quality in higher education: an international perspective in Green, D. (Ed.), What is Quality in Higher Education?, Open University press and Society for Research into Higher Education, Buckingham.
- [3]. Huang Mu-hsuan and Yu-wei Chang (2008). Characteristics of research output in social science and humanities: from a research evaluation perspective. Journal of American Society for Information Science and Technology, 59 (11).
- [4]. Hicks D (1999). The difficulty of achieving full coverage of international social science literature and the bibliometric consequences. Scientometrics, 44 (2), 193-215.
- [5]. Thampapillai Dodo (2002). Environmentaleconomics: concepts, methods, and policies. Oxford University Press, South Melbourne.
- [6]. OECD (2007). Linkage between performance and institutions in the primary and secondary education sector. ECO/CPE/ WP1.
- [7]. National Academy of Science (2009). On being a scientist (Third Edition). The National Academies Press, Washington, DC.